

**PHỤ LỤC SỐ 01: ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG CHUNG; MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
A	MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG				
1	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01/điểm trường	
2	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyên mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
3	Màn hình LED cỡ lớn phục vụ hoạt động tập thể	Chiếc		01	
4	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		03	
5	Hệ thống lọc nước tinh khiết	Hệ thống		01/điểm trường	
B	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG				
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
2	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022)		
3	Hệ thống Camera giám sát phục vụ các kỳ thi	Hệ thống	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban chỉ đạo thi của tỉnh.		
4	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
5	Hệ thống chấm thi trắc nghiệm (Bao gồm: Máy chấm thi và phần mềm chấm thi)	Bộ		03	
6	Thiết bị, phần mềm trường học thông minh	Hệ thống		01	
7	Thiết bị, phần mềm trường học chuyển đổi số	Hệ thống		01	
II	THIẾT BỊ TRONG CÁC LỚP HỌC				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2021

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Thiết bị dạy học trực tuyến	Bộ	01		
6	Thiết bị âm thanh phòng học	Bộ	01		
7	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
III	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIN HỌC			04 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Thiết bị dạy học môn Tin học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
3	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
IV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ			04 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
V	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN VẬT LÝ			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Hệ thống điện chuyên dùng	Hệ thống	01		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
7	Thiết bị dạy học môn Vật lí	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
VI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN HÓA HỌC			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Hệ thống chậu rửa, vòi nước chuyên dùng	Hệ thống	01		
7	Thiết bị dạy học môn Hóa học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
VII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN SINH HỌC			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Hệ thống chậu rửa, vòi nước chuyên dùng	Hệ thống	01		
7	Thiết bị dạy học môn Sinh học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
VIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN CÔNG NGHỆ			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Hệ thống điện chuyên dùng	Hệ thống	01		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	04		
7	Thiết bị dạy học môn Công nghệ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
IX	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN ÂM NHẠC			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
5	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
X	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
XI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
5	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
6	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
7	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XII	THIẾT BỊ PHÒNG THƯ VIỆN			01 phòng	
1	Bộ bàn, ghế nhân viên	Bộ	01		
2	Bảng viết	Chiếc	01		
3	Máy vi tính để bàn (nhân viên)	Bộ	01		
4	Bộ bàn ghế vi tính bạn đọc	Bộ	10		
5	Máy vi tính để bàn (bạn đọc)	Bộ	10		
6	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
7	Máy in laser	Cái	01		
8	Máy hút bụi	Chiếc	01		
9	Máy quét mã vạch	Chiếc	01		
10	Phần mềm quản lý thư viện	Bộ	01		
11	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho giáo viên	Bộ	Trang bị đảm bảo tối thiểu 20 chỗ		Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022)
12	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho học sinh	Bộ	Trang bị đảm bảo tối thiểu 45 chỗ		
13	Tủ/giá/kệ chuyên dùng để sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa; tủ hoặc hộp mục lục, sổ mục lục, bảng để giới thiệu sách.	Bộ	Căn cứ quy mô của thư viện		
14	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN			01 phòng	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	Căn cứ theo số cán bộ, giáo viên, nhân viên		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIV	THIẾT BỊ PHÒNG TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
5	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01		
6	Thiết bị chuyên dụng	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XV	THIẾT BỊ PHÒNG TRUYỀN THÔNG			01 phòng	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Mô hình sa bàn phòng truyền thống	Bộ	01		
5	Tủ/giá/kệ trưng bày	Bộ	Căn cứ quy mô của phòng		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVI	THIẾT BỊ PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Tivi	Cái	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVII	THIẾT BỊ PHÒNG CÁC TỔ CHUYÊN MÔN			Căn cứ theo số tổ chuyên môn	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	Căn cứ theo số giáo viên		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	Căn cứ theo số giáo viên		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVIII	THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG			01 nhà	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
4	Ghế khán đài	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
5	Quạt công nghiệp	Chiếc	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
6	Ghế chờ dưới sàn thi đấu	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
7	Tủ phòng thay đồ	Cái	Theo quy mô của nhà đa năng		
8	Ghế thay đồ	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
9	Thảm trải sàn	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
10	Các bộ dụng cụ các môn thể dục thể thao	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
XIX	THIẾT BỊ PHÒNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC			01 phòng	
1	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Trang thiết bị, thuốc thiết yếu	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ Y tế (Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XX	THIẾT BỊ PHÒNG NỘI TRÚ HỌC SINH (đối với Trường THPT Dân tộc nội trú)				
1	Giường tầng học sinh	Chiếc	Căn cứ theo số học sinh	Căn cứ theo số học sinh	
2	Tủ đựng đồ dùng cá nhân cho học sinh	Chiếc	Căn cứ theo số học sinh	Căn cứ theo số học sinh	
3	Giá sách	Chiếc	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
5	Giàn phơi quần áo	Chiếc	01		
6	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XXI	THIẾT BỊ NỘI TRÚ, NHÀ BẾP (đối với Trường THPT Dân tộc nội trú)				
1	Bàn, ghế nhà ăn	Bộ		Căn cứ theo số học sinh	
2	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
3	Hệ thống lọc nước tinh khiết	Bộ		01	
4	Hệ thống bếp gas	Bộ		01	
5	Hệ thống bếp điện	Bộ		01	
6	Bếp hầm	Chiếc		01	
7	Bếp xào	Chiếc		01	
8	Nồi cơm điện	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
9	Tủ cơm điện	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
10	Tủ cơm gas	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
11	Nồi nấu cháo công nghiệp	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
12	Nồi đồ xôi công nghiệp	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
13	Tủ giữ nóng cơm canh	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
14	Khay giữ nóng thức ăn	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
15	Nồi giữ nóng canh	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
16	Tủ lưu mẫu thức ăn	Chiếc		01	
17	Tủ mát bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
18	Tủ đông bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
19	Tủ mát - tủ đông, tủ lạnh	Chiếc		01	
20	Máy khử độc ozone	Chiếc		01	
21	Máy thái rau củ đa năng	Chiếc		01	
22	Máy xay thịt	Chiếc		01	
23	Máy xay cua	Chiếc		01	
24	Máy xay sinh tố	Chiếc		01	
25	Tủ đựng bát đĩa	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
26	Tủ sấy bát đĩa	Chiếc		01	
27	Bàn để khay bát sạch	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
28	Bàn sơ chế thực phẩm	Chiếc		01	
29	Bàn soạn thực phẩm	Chiếc		01	
30	Bàn chặt thực phẩm	Chiếc		01	
31	Giá để xoong nồi	Chiếc		02	
32	Giá để thực phẩm	Chiếc		01	
33	Xe vận chuyển thực phẩm	Chiếc		02	
34	Thùng đựng gạo bằng inox	Chiếc		01	
35	Tum hút khói có phin lọc mỡ	Chiếc		01	
36	Máy giặt	Chiếc		01	
37	Máy sấy khăn	Chiếc		01	

**PHỤ LỤC SỐ 02: ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG CHUNG; MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TẠI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
A	MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG				
1	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01/điểm trường	
2	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyển mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
3	Màn hình LED cỡ lớn phục vụ hoạt động tập thể	Chiếc		01	
4	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		03	
5	Hệ thống lọc nước tinh khiết	Hệ thống		01/điểm trường	
B	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG				
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
2	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022)		
3	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và Ngoại ngữ - Trường trung học phổ thông chuyên	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29/8/2011)		
4	Hệ thống Camera giám sát phục vụ các kỳ thi	Hệ thống	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban chỉ đạo thi của tỉnh.		
5	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
6	Hệ thống chấm thi trắc nghiệm (Bao gồm: Máy chấm thi và phần mềm chấm thi)	Bộ		03	
7	Thiết bị, phần mềm trường học thông minh	Hệ thống		01	
8	Thiết bị, phần mềm trường học chuyển đổi số	Hệ thống		01	
II	THIẾT BỊ TRONG CÁC LỚP HỌC				

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2021
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Thiết bị dạy học trực tuyến	Bộ	01		
6	Thiết bị âm thanh phòng học	Bộ	01		
7	Tủ để đồ dùng cá nhân của học sinh	Cái	Căn cứ theo số học sinh		
8	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
9	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
III	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIN HỌC			06 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Thiết bị dạy học môn Tin học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023, Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29/8/2011</i>)		
3	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
IV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ			04 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023, Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29/8/2011</i>)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
V	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN VẬT LÝ			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Hệ thống điện chuyên dùng	Hệ thống	01		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
7	Thiết bị dạy học môn Vật lý	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023, Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29/8/2011)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
VI	THIẾT BỊ PHÒNG BỘ MÔN HÓA HỌC			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Hệ thống chậu rửa, vòi nước chuyên dùng	Hệ thống	01		
7	Thiết bị dạy học môn Hóa học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023, Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29/8/2011)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
VII	THIẾT BỊ PHÒNG BỘ MÔN SINH HỌC			02 phòng	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Hệ thống chậu rửa, vòi nước chuyên dùng	Hệ thống	01		
7	Thiết bị dạy học môn Sinh học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023, Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29/8/2011)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
VIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN CÔNG NGHỆ			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Hệ thống điện chuyên dùng	Hệ thống	01		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	04		
7	Thiết bị dạy học môn Công nghệ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
IX	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN ÂM NHẠC			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
5	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
X	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Mĩ thuật)	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
5	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
6	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
7	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XII	THIẾT BỊ PHÒNG THƯ VIỆN			01 phòng	
1	Bộ bàn, ghế nhân viên	Bộ	01		
2	Bảng viết	Chiếc	01		
3	Máy vi tính để bàn (nhân viên)	Bộ	01		
4	Bộ bàn ghế vi tính bạn đọc	Bộ	10		
5	Máy vi tính để bàn (bạn đọc)	Bộ	10		
6	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
7	Máy in laser	Cái	01		
8	Máy hút bụi	Chiếc	01		
9	Máy quét mã vạch	Chiếc	01		
10	Phần mềm quản lý thư viện	Bộ	01		
11	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho giáo viên	Bộ	Trang bị đảm bảo tối thiểu 20 chỗ		Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022)
12	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho học sinh	Bộ	Trang bị đảm bảo tối thiểu 45 chỗ		
13	Tủ/giá/kệ chuyên dùng để sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa; tủ hoặc hộp mục lục, sổ mục lục, bảng đề giới thiệu sách.	Bộ	Căn cứ quy mô của thư viện		
14	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG LUYỆN THI HỌC SINH GIỎI			15 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Chiếc	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh (loại 2 chỗ)	Bộ	15		
4	Máy vi tính	Bộ	01		
5	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
6	Hệ thống âm thanh phòng học	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN			02 phòng	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	Căn cứ theo số cán bộ, giáo viên, nhân viên		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XV	THIẾT BỊ PHÒNG TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
5	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01		
6	Thiết bị chuyên dụng	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVI	THIẾT BỊ PHÒNG TRUYỀN THÔNG			01 phòng	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Mô hình sa bàn phòng truyền thống	Bộ	01		
5	Tủ/giá/kệ trưng bày	Bộ	Căn cứ quy mô của phòng		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVII	THIẾT BỊ PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Tivi	Cái	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVIII	THIẾT BỊ PHÒNG CÁC TỔ CHUYÊN MÔN			Căn cứ theo số tổ chuyên môn	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	Căn cứ theo số giáo viên		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	Căn cứ theo số giáo viên		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIX	THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG			01 nhà	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
4	Ghế khán đài	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
5	Quạt công nghiệp	Chiếc	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
6	Ghế chờ dưới sàn thi đấu	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
7	Tủ phòng thay đồ	Cái	Theo quy mô của nhà đa năng		
8	Ghế thay đồ	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
9	Thảm trải sàn	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
10	Các bộ dụng cụ các môn thể dục thể thao	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
XX	THIẾT BỊ PHÒNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC			01 phòng	
1	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Trang thiết bị, thuốc thiết yếu	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ Y tế (Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XXI	THIẾT BỊ PHÒNG NỘI TRÚ HỌC SINH			Căn cứ theo số học sinh	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
1	Giường tầng học sinh	Chiếc	Căn cứ theo số học sinh	Căn cứ theo số học sinh	
2	Tủ đựng đồ dùng cá nhân cho học sinh	Chiếc	Căn cứ theo số học sinh	Căn cứ theo số học sinh	
3	Giá sách	Chiếc	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
5	Giàn phơi quần áo	Chiếc	01		
6	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XXII	THIẾT BỊ PHÒNG NỘI TRÚ CHUYÊN GIA			13 phòng	
1	Giường ngủ	Chiếc	02	26	
2	Tủ quần áo	Chiếc	01	13	
3	Bàn, ghế làm việc	Bộ	02	26	
4	Tivi	Chiếc	01	13	
5	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	01	13	
6	Giá để đồ	Chiếc	01	13	
7	Giàn phơi quần áo	Chiếc	01	13	
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XXIII	THIẾT BỊ PHÒNG ĂN CHUYÊN GIA			01 phòng	
1	Bàn ăn chuyên gia	Chiếc	02	02	
2	Ghế ăn chuyên gia	Chiếc	16	16	
3	Tủ lạnh	Chiếc	02	02	
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XXIV	THIẾT BỊ PHÒNG ĂN GIÁO VIÊN, HỌC SINH			01 phòng	
1	Bàn ăn học sinh	Chiếc	Căn cứ theo số học sinh	Căn cứ theo số học sinh	
2	Ghế ăn học sinh	Chiếc	Căn cứ theo số học sinh	Căn cứ theo số học sinh	
3	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
XXV	THIẾT BỊ NHÀ BẾP				
1	Hệ thống lọc nước	Bộ		01	
2	Hệ thống bếp gas	Bộ		01	
3	Hệ thống bếp điện	Bộ		01	
4	Bếp hầm	Chiếc		01	
5	Bếp xào	Chiếc		01	
6	Nồi cơm điện	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
7	Tủ cơm điện	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
8	Tủ cơm gas	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
9	Nồi nấu cháo công nghiệp	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
10	Nồi đồ xôi công nghiệp	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
11	Tủ giữ nóng cơm canh	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
12	Khay giữ nóng thức ăn	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
13	Nồi giữ nóng canh	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
14	Tủ lưu mẫu thức ăn	Chiếc		01	
15	Tủ mát bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
16	Tủ đông bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
17	Tủ mát - tủ đông, tủ lạnh	Chiếc		01	
18	Máy khử độc ozone	Chiếc		01	
19	Máy thái rau củ đa năng	Chiếc		01	
20	Máy xay thịt	Chiếc		01	
21	Máy xay cua	Chiếc		01	
22	Máy xay sinh tố	Chiếc		01	
23	Tủ đựng bát đĩa	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
24	Tủ sấy bát đĩa	Chiếc		01	
25	Bàn để khay bát sạch	Chiếc		Căn cứ theo số học sinh	
26	Bàn sơ chế thực phẩm	Chiếc		01	
27	Bàn soạn thực phẩm	Chiếc		01	
28	Bàn chặt thực phẩm	Chiếc		01	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
29	Giá để xoong nồi	Chiếc		02	
30	Giá để thực phẩm	Chiếc		01	
31	Xe vận chuyển thực phẩm	Chiếc		02	
32	Thùng đựng gạo bằng inox	Chiếc		01	
33	Tum hút khói có phin lọc mỡ	Chiếc		03	
34	Máy giặt	Chiếc		01	
35	Máy sấy khăn	Chiếc		01	

**PHỤ LỤC SỐ 03: ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG CHUNG; MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TẠI CÁC TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
A	MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG				
1	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01/điểm trường	
2	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyên mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
3	Màn hình LED cỡ lớn phục vụ hoạt động tập thể	Chiếc		01	
4	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		03	
5	Hệ thống lọc nước tinh khiết	Hệ thống		01/điểm trường	
B	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG				
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
2	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022)		
3	Hệ thống Camera giám sát phục vụ các kỳ thi	Hệ thống	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban chỉ đạo thi của tỉnh.		
4	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
5	Hệ thống chấm thi trắc nghiệm (Bao gồm: Máy chấm thi và phần mềm chấm thi)	Bộ		03	
6	Thiết bị, phần mềm trường học thông minh	Hệ thống		01	
7	Thiết bị, phần mềm trường học chuyển đổi số	Hệ thống		01	
II	THIẾT BỊ TRONG CÁC LỚP HỌC				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2021

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Thiết bị dạy học trực tuyến	Bộ	01		
6	Thiết bị âm thanh phòng học	Bộ	01		
7	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
III	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIN HỌC			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Thiết bị dạy học môn Tin học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
3	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
IV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
V	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN VẬT LÝ			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Hệ thống điện chuyên dùng	Hệ thống	01		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
7	Thiết bị dạy học môn Vật lí	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
VI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN HÓA HỌC			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Hệ thống chậu rửa, vòi nước chuyên dùng	Hệ thống	01		
7	Thiết bị dạy học môn Hóa học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
VII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN SINH HỌC			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Hệ thống chậu rửa, vòi nước chuyên dùng	Hệ thống	01		
7	Thiết bị dạy học môn Sinh học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
VIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN CÔNG NGHỆ			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Hệ thống điện chuyên dùng	Hệ thống	01		
5	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc	Hệ thống	01		
6	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	04		
7	Thiết bị dạy học môn Công nghệ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
IX	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN ÂM NHẠC			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
5	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
X	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
			đủ công suất		
XI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
5	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
6	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
7	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XII	THIẾT BỊ PHÒNG THƯ VIỆN			01 phòng	
1	Bộ bàn, ghế nhân viên	Bộ	01		
2	Bảng viết	Chiếc	01		
3	Máy vi tính để bàn (nhân viên)	Bộ	01		
4	Bộ bàn ghế vi tính bạn đọc	Bộ	10		
5	Máy vi tính để bàn (bạn đọc)	Bộ	10		
6	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
7	Máy in laser	Cái	01		
8	Máy hút bụi	Chiếc	01		
9	Máy quét mã vạch	Chiếc	01		
10	Phần mềm quản lý thư viện	Bộ	01		
11	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho giáo viên	Bộ	Trang bị đảm bảo tối thiểu 20 chỗ		Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022)
12	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho học sinh	Bộ	Trang bị đảm bảo tối thiểu 45 chỗ		
13	Tủ/giá/kệ chuyên dùng để sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa; tủ hoặc hộp mục lục, sổ mục lục, bảng để giới thiệu sách.	Bộ	Căn cứ quy mô của thư viện		
14	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN			01 phòng	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	Căn cứ theo số cán bộ, giáo viên, nhân viên		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIV	THIẾT BỊ PHÒNG TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
5	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01		
6	Thiết bị chuyên dụng	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XV	THIẾT BỊ PHÒNG TRUYỀN THỐNG			01 phòng	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Mô hình sa bàn phòng truyền thống	Bộ	01		
5	Tủ/giá/kệ trưng bày	Bộ	Căn cứ quy mô của phòng		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVI	THIẾT BỊ PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN			01 phòng	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Tivi	Cái	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVII	THIẾT BỊ PHÒNG CÁC TỔ CHUYÊN MÔN			Căn cứ theo số tổ chuyên môn	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	Căn cứ theo số giáo viên		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	Căn cứ theo số giáo viên		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XVIII	THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG			01 nhà	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
4	Ghế khán đài	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
5	Quạt công nghiệp	Chiếc	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
6	Ghế chờ dưới sàn thi đấu	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
7	Tủ phòng thay đồ	Cái	Theo quy mô của nhà đa năng		
8	Ghế thay đồ	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
9	Thảm trải sàn	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
10	Các bộ dụng cụ các môn thể dục thể thao	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
XIX	THIẾT BỊ PHÒNG Y TẾ TRƯỜNG			01 phòng	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
	HQC				
1	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Trang thiết bị, thuốc thiết yếu	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ Y tế (Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

PHỤ LỤC SỐ 04: ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG; MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ DU LỊCH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
A	MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG				
1	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01/điểm trường	
2	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyên mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
3	Màn hình LED cỡ lớn phục vụ hoạt động tập thể	Chiếc		01	
4	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		03	
5	Hệ thống lọc nước tinh khiết	Hệ thống		01/điểm trường	
B	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG				
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022)		
2	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
3	Thiết bị, phần mềm trường học thông minh	Hệ thống		01	
4	Thiết bị, phần mềm trường học chuyển đổi số	Hệ thống		01	
II	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề điện công nghiệp	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 26/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019, phụ lục 2a của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		
III	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ MAY THỜI TRANG				

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề May thời trang	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 26/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 25/12/2019, phụ lục 28a của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		
IV	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ CHĂN NUÔI - THÚ Y				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề Chăn nuôi - Thú y	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 14/2023/TT-BLĐTĐBXH ngày 29/12/2023, phụ lục 16a của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		
V	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ VẬN HÀNH MÁY NÔNG NGHIỆP				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề Vận hành máy nông nghiệp	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/11/2021, phụ lục 46 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		
VI	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề Hướng dẫn du lịch	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTĐBXH ngày 17/6/2015, phụ lục 18a của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
VII	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2020, phụ lục 38a của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		
VIII	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề Kế toán doanh nghiệp	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2020, phụ lục 5a của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		
IX	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGHỀ TRỒNG TRỌT BẢO VỆ THỰC VẬT				
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị đào tạo nghề Trồng trọt bảo vệ thực vật	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2020, phụ lục 32a của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ))		
X	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN			01 phòng	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	Căn cứ theo số cán bộ, giáo viên, nhân viên		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XI	THIẾT BỊ PHÒNG CÔNG TÁC HS-SV			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
5	Thiết bị chuyên dụng	Bộ	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XII	THIẾT BỊ PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Tivi	Cái	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG KHOA CHUYÊN MÔN			Căn cứ theo số tổ chuyên môn	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	Căn cứ theo số giáo viên		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	Căn cứ theo số giáo viên		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường/trung tâm	
XIV	THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG			01 nhà	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
4	Ghế khán đài	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
5	Quạt công nghiệp	Chiếc	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
6	Ghế chờ dưới sàn thi đấu	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
7	Tủ phòng thay đồ	Cái	Theo quy mô của nhà đa năng		
8	Ghế thay đồ	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
9	Thảm trải sàn	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
10	Các bộ dụng cụ các môn thể dục thể thao	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
XV	THIẾT BỊ PHÒNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC			01 phòng	
1	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Trang thiết bị, thuốc thiết yếu	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ Y tế (Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		

PHỤ LỤC SỐ 05: ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG; MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho trường	
A	MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG				
1	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01	
2	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyển mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
3	Màn hình LED cỡ lớn phục vụ hoạt động tập thể	Chiếc		01	
4	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		03	
5	Hệ thống lọc nước tinh khiết	Hệ thống		01	
B	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG				
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022)		
2	Phần mềm quản lý đào tạo theo tín chỉ	Phần mềm		01	
3	Phần mềm quản lý điểm theo tín chỉ	Phần mềm		01	
4	Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm	Phần mềm		01	
5	Phần mềm quản lý thư viện	Phần mềm		01	
II	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO PHÒNG HỌC LÝ THUYẾT			15 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế sinh viên	Bộ	Căn cứ theo số sinh viên		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	cái	01		
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
II	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO PHÒNG THỰC HÀNH DINH DƯỠNG			01 phòng	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho trường	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học đồ chơi và học liệu	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 về danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non)		
III	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO PHÒNG THỰC HÀNH ÂM NHẠC			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học đồ chơi và học liệu	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 về danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non)		
5	Đàn organ	cái	03		
IV	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO PHÒNG THỰC HÀNH MÚA			01 phòng	
1	Gương cỡ lớn	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học đồ chơi và học liệu	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 về danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non)		
V	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO PHÒNG THỰC HÀNH MỸ THUẬT			01 phòng	
1	Bảng viết	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học đồ chơi và học liệu	Bộ	Thực hiện theo Quy định của		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho trường	
			Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 về danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non)		
VI	THIẾT BỊ ĐÀO TẠO PHÒNG THỰC HÀNH THEO NHÓM TUỔI CỦA TRẺ			02 Phòng	
1	Bảng viết	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Căn cứ theo số học sinh		
4	Thiết bị dạy học đồ chơi và học liệu	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 về danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non)		
VII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN			01 phòng	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	Căn cứ theo số cán bộ, giáo viên, nhân viên		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG LÀM VIỆC HÀNH CHÍNH - TỔ CHỨC; ĐÀO TẠO - NCKH; TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ			03 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	03		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	03		
3	Máy in laser	Cái	03		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
5	Tủ hồ sơ	Cái	03		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho trường	
6	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	03		
IX	THIẾT BỊ PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN; VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY; CÔNG ĐOÀN			01 phòng	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
X	THIẾT BỊ PHÒNG KHOA, TRUNG TÂM			Căn cứ theo Khoa; Trung tâm; Tổ chuyên môn	
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	Căn cứ theo số giáo viên		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	Căn cứ theo số giáo viên		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XI	THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG			01 nhà	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
4	Hệ thống chiếu sáng	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
5	Quạt công nghiệp	Chiếc	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
6	Ghế chờ dưới sàn thi đấu	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
7	Tủ phòng thay đồ	Cái	Theo quy mô của nhà đa năng		
8	Ghế thay đồ	Chiếc	Theo quy mô của nhà đa năng		
9	Thảm trải sàn	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Văn bản quy định
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho trường	
10	Các bộ dụng cụ các môn thể dục thể thao	Bộ	Theo quy mô của nhà đa năng		
XII	THIẾT BỊ PHÒNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC			01 phòng	
1	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Trang thiết bị, thuốc thiết yếu	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ Y tế (Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC			02 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Máy tính để bàn	Bộ	50		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
XIV	THIẾT BỊ GIẢNG ĐƯỜNG 200 CHỖ			01 phòng	
1	Bảng viết đa năng	Cái	01		
2	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
3	Bàn, ghế đại biểu	Bộ	01		
4	Bàn và ghế dài giảng đường	Bộ	20		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	Loại thông dụng, đảm bảo đủ công suất		
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
7	Quạt treo tường	Cái	10		
8	Hệ thống đèn chiếu sáng	Hệ thống	Theo quy mô giảng đường		

**PHỤ LỤC SỐ 06: ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG CHUNG; MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TẠI VĂN PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Tên thiết bị - đồ dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG		
1	Máy chủ	Bộ	02
2	Thiết bị cân bằng tải	Chiếc	02
3	Thiết bị tường lửa Firewall (bao gồm firewall network, firewall web application,...)	Bộ	02
4	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyển mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ	02
5	Máy chiếu	Bộ	05
6	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	02
7	Máy quay phim kỹ thuật số	Chiếc	02
8	Máy ghi âm	Chiếc	02
9	Máy hủy tài liệu	Chiếc	10
10	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	02
11	Màn hình LED chuyên dùng	Chiếc	02
II	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG		
1	Hệ thống chấm thi trắc nghiệm (Bao gồm: Máy chấm thi và phần mềm chấm thi)	Bộ	05
2	Hệ thống Camera giám sát phục vụ các kỳ thi	Hệ thống	Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban chỉ đạo thi của tỉnh
3	Máy in băng	Chiếc	02
4	Máy in màu (in thẻ dự thi...)	Chiếc	03
5	Phần mềm quản lý văn bằng chứng chỉ	Bộ	01
6	Phần mềm quản lý thi tuyển sinh lớp 10 THPT	Bộ	01
7	Phần mềm quản lý thi tốt nghiệp THPT	Bộ	01
8	Phần mềm quản lý, kiểm định chất lượng giáo dục	Bộ	01
9	Phần mềm quản lý thi học sinh giỏi	Bộ	01
10	Phần mềm xét tốt nghiệp THCS, THPT	Bộ	01
11	Trang thiết bị cho phòng làm đề thi, sao in đề thi		
-	Giường tầng	Chiếc	15

STT	Tên thiết bị - đồ dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Giường cá nhân	Chiếc	10
-	Chăn, chiếu, màn, ga, gối, đệm	Bộ	40
-	Ti vi	Chiếc	04
-	Tủ lạnh	Chiếc	02
-	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	10
-	Máy hút ẩm	Chiếc	04
-	Máy hút bụi	Chiếc	02
-	Máy giặt	Chiếc	02
-	Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	10
-	Máy photocopy	Chiếc	01
-	Máy photocopy siêu tốc	Chiếc	03
-	Máy in A3	Chiếc	02
-	Máy in A4	Chiếc	04
-	Máy hủy tài liệu	Chiếc	02
-	Máy chia tập	Chiếc	01
-	Máy dập ghim đề thi	Chiếc	01
-	Bàn ghế vi tính	Bộ	10
-	Bàn làm việc	Chiếc	10
-	Ghế làm việc	Chiếc	40
-	Quạt cây	Chiếc	05
-	Đài Cassette	Chiếc	02
-	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	03
